

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (2011-2020) KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM

PGS, TS NGÔ VĂN HÀ

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt: Giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, trong đó có “Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020”. Qua 10 năm thực hiện chiến lược này, giáo dục đại học Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, qui mô phát triển mạnh, chất lượng ngày một cao. Dựa trên số liệu, tài liệu thu thập được, bài viết phân tích làm rõ thực trạng giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2011-2020, kết quả đạt được và đúc rút những kinh nghiệm, gợi mở cho việc tổ chức thực hiện phát triển giáo dục đại học giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Giáo dục đại học; giai đoạn 2011-2020; kết quả; kinh nghiệm

1. Chủ trương, chính sách phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2011-2020

Giáo dục đại học là nguồn cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là từ khi thực hiện đường lối đổi mới (1986), Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục đại học. Thực hiện điều đó, đến năm 2011, giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ. Tuy

nhien, chất lượng, hiệu quả của giáo dục đại học còn nhiều điểm bất cập, yếu kém: Chương trình đào tạo còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh. Phương pháp giáo dục, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất. Chất lượng giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước và so với trình độ của các nước có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực, trên thế giới. Chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học trong các trường đại học còn thấp, chưa gắn kết chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất¹.



Hội thảo giáo dục Việt Nam 2020: “Tự chủ trong giáo dục đại học - từ chính sách đến thực tiễn”, ngày 27-11-2020

Để phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011)* chỉ rõ phương hướng phát triển của giáo dục đại học là: Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc². Tiếp đó, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4-11-2013 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8, Khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” xác định: “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân”³.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 13-6-2012, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số

711/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”. Chiến lược phát triển giáo dục đề ra mục tiêu đến năm 2020 là “Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục đại học; điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, kỹ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động và một bộ phận có khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới”⁴.

Thực hiện những chủ trương trên của Đảng và Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng *Kế hoạch hành động của ngành giáo dục* tập trung các nội dung:

Các cơ sở giáo dục đại học rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo bảo đảm thống nhất, liên thông theo từng ngành, nhóm ngành, nhóm nghề đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nghiên cứu tiếp nhận, chuyển giao chương trình đào tạo từ các nước tiên tiến cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học của Việt Nam. Các cơ sở giáo dục và đào tạo đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học.

Thành lập trung tâm đánh giá chất lượng giáo dục quốc gia để triển khai việc đổi mới thi, tiến tới tổ chức một kỳ thi quốc gia để xét công nhận tốt nghiệp phổ thông và làm căn cứ tuyển sinh cao đẳng, đại học.

Phát triển đội ngũ nhà giáo, chuyên gia đầu ngành cho các cấp học và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên các cơ sở giáo dục đại học.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Ban hành cơ chế để các cơ sở giáo dục và đào tạo được chủ động hợp tác, liên kết với các cá nhân, đơn vị có uy tín trong và ngoài nước huy động các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học.

Thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo; quy định lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức nhân sự của các sở, phòng phù hợp với phân cấp quản lý giáo dục và đào tạo. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy việc hình thành và phát

triển hệ thống chuyển đổi tín chỉ giữa các nước ASEAN; mở rộng các chương trình trao đổi và dịch chuyển sinh viên quốc tế; tăng cường ký kết thỏa thuận hợp tác và công nhận bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới⁵.

Có thể thấy, những giải pháp phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2011-2020 có những điểm nổi bật sau:

Một là, đổi mới cách thức thi tuyển sinh vào đại học. Công tác tuyển sinh đại học trước đây được tổ chức thành một kỳ thi riêng, sau khi đạt kết quả kỳ thi phổ thông quốc gia thí sinh được tham dự kỳ thi tuyển sinh vào đại học. Như vậy, thí sinh phải trải qua hai kỳ thi, rất tốn kém và áp lực. Đổi mới cách thức thi tuyển sinh là gộp kỳ thi phổ thông trung học quốc gia và kỳ thi tuyển sinh vào đại học làm một. Kết quả của kỳ thi phổ thông trung học quốc gia vừa là kết quả xét tốt nghiệp, vừa là kết quả xét tuyển vào các trường đại học. Ngoài ra, xét tuyển vào đại học còn được thực hiện bằng xét kết quả các thành tích khác của thí sinh như, kết quả ba năm học phổ thông, kết quả thí sinh đạt giải các kỳ thi quốc gia, quốc tế, thành tích đạt được điểm cao về ngoại ngữ. Việc đổi mới này làm giảm áp lực, tốn kém và có ý nghĩa phân luồng thí sinh. Những thí sinh năng lực học tốt hay có năng khiếu chuyên biệt có nhiều cơ hội được vào trường đại học lớn có uy tín.

Hai là, chuyển mạnh từ phương pháp đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ. Phương thức đào tạo theo tín chỉ có nhiều ưu điểm hơn phương pháp đào tạo theo hệ niên chế. Phương pháp đào tạo theo tín chỉ lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy và học. Việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được coi trọng, do đó, phát huy được tính sáng tạo của người học và có thể rút ngắn thời gian học nếu tích lũy đủ tín chỉ theo quy định. Đào tạo theo tín chỉ là đào tạo ra con người năng động, sáng tạo, chủ động thích ứng

với biến đổi của xã hội, tới đáp ứng những nhu cầu của thị trường lao động.

Ba là, thực hiện kiểm định chất lượng. Kiểm định chất lượng là kiểm định toàn diện hoạt động cơ sở giáo dục, giúp cơ sở giáo dục xây dựng một cách bài bản chiến lược phát triển và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đã đề ra.

Bốn là, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đại học bằng cách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, tạo cơ hội cho mọi người dân tiếp cận được với giáo dục ở bậc cao nhất; mặt khác, tạo ra sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục để nâng cao chất lượng.

Năm là, thực hiện tự chủ đại học đối với cơ sở đại học công lập. Giáo dục đại học Việt Nam hoạt động theo mô hình nhà nước trả lương cho giáo viên, người học đóng một phần học phí. Mô hình này phù hợp trong giai đoạn lịch sử nhất định. Khi chuyển sang kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng thì mô hình này bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Bộ máy quản lý công kênh, hoạt động qua nhiều cấp trung gian mang nặng tính hành chính, tạo ra sức ỳ lớn. Chuyển sang tự chủ, cơ sở giáo dục chủ động nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, khẳng định uy tín, nâng cao khả năng cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đào tạo.

2. Kết quả phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2011-2020

Những kết quả đạt được

Một là, hệ thống giáo dục đại học được mở rộng, phát triển mạnh, đào tạo ra lực lượng lao động lớn ở trình độ đại học phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục, giáo dục đại học Việt Nam có bước phát

triển mạnh mẽ. Đến năm 2019, cả nước có 237 trường đại học tăng 1,6 lần; 73.312 giảng viên cơ hữu tăng 1,6 lần, tính riêng tiến sĩ tăng 3,3 lần; số sinh viên đang đào tạo là 1.526.111 người, tăng 1,1 lần; số sinh viên tốt nghiệp là 311.599 người/năm với nhiều lĩnh vực ngành nghề; đào tạo sau đại học được chú trọng, năm 2019 có 97.134 học viên cao học và 11.000 nghiên cứu sinh⁶. Kết quả này góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, các trường đại học thực hiện kiểm định chất lượng, chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật kiến thức mới, đa dạng hình thức giảng dạy để thích ứng với diễn biến của đại dịch Covid-19.

Để nâng cao chất lượng và khẳng định năng lực đào tạo, các trường đại học thực hiện kiểm định chất lượng. Nội dung kiểm định chất lượng đáng giá toàn diện từ mục tiêu, nội dung chương trình, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, quản trị đại học, ứng dụng công nghệ thông tin, khảo sát cựu sinh viên của cơ sở đào tạo. Tính đến cuối năm 2020, cả nước có 404 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận kiểm định chất lượng, trong đó 192 chương trình của 48 trường đại học được đánh giá công nhận theo tiêu chuẩn trong nước, 212 chương trình của 36 trường đại học được đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài⁷.

Qua kiểm định chất lượng, cho thấy hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đã tập trung đổi mới, phát triển chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trong đó có sự tham gia góp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động và các chuyên

gia trong quá trình khảo sát, xây dựng và thẩm định ban hành trước khi tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai chương trình đào tạo, ngoài việc yêu cầu lấy ý kiến phản hồi từ người học, từ cán bộ giảng dạy, chương trình đào tạo được quy định tối thiểu 2 năm phải rà soát, cập nhật, bổ sung những kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các kỹ năng cần thiết (kỹ năng công nghệ thông tin, ngoại ngữ,...) nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hướng tới đào tạo nhân lực là công dân toàn cầu, thực hiện chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

Đại dịch Covid-19 diễn ra bất ngờ ngoài dự kiến, các cơ sở giáo dục đại học đã chuyển hình thức tổ chức dạy trên lớp sang tổ chức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua Internet. Giáo dục đại học đã kịp ứng phó và chuyển đổi tương đối thành công trong việc ứng dụng khoa học công nghệ hỗ trợ giảng dạy, đa dạng hóa các hình thức giáo dục, thích ứng nhanh với tình hình thực tiễn, phù hợp xu thế thời đại.

Ba là, nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế đạt được kết quả quan trọng.

Tiêu chí rất quan trọng để xếp thứ hạng của cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học, vì vậy, thời gian qua, các trường đại học đã có nhiều chính sách khuyến khích thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế. Tùy theo khả năng từng cơ sở, giảng viên có bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI hay Scopus được hỗ trợ từ 40 triệu đến 120 triệu đồng/bài. Trong 10 năm (2009-2018), số lượng các công bố quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam thuộc Scopus đã tăng 4,7 lần, từ 1.764 bài công bố vào năm 2009, lên đến 8.234 bài năm 2018⁸. Với những kết quả đạt được, năm 2019 Việt Nam có 8 trường vào top 500 đại học tốt nhất châu Á⁹ theo đánh giá xếp loại của tổ chức giáo dục uy

tín hàng đầu thế giới Quacquarelli Symonds (QS) - Anh Quốc. Theo đánh giá xếp loại của University Ranking by Academic Performance (URAP), năm 2019, Trường Đại học Tôn Đức Thắng được xếp hạng 960 trong tổng số các đại học tốt nhất thế giới và top 200 các đại học tốt nhất thế giới về phát triển bền vững.

Những thành tựu trên đã khẳng định “Quản lý, quản trị đại học có bước đổi mới, chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên”¹⁰, các mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 đã cơ bản đạt được, giáo dục đại học Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu và rộng.

Việc có các cơ sở giáo dục đại tư thục (Trường Đại học Duy Tân thành lập năm 1994) và cơ sở giáo dục công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ (Trường Đại học Tôn Đức Thắng thành lập năm 1997) có tên trong các bảng xếp hạng đại học quốc tế có uy tín cho thấy, cơ chế hoạt động phù hợp là yếu tố rất quan trọng đưa trường đại học phát triển, tự chủ đại học là xu hướng tất yếu ở Việt Nam hiện nay.

Một số vấn đề đặt ra

Bên cạnh những thành tựu trên, giáo dục đại học Việt Nam còn những hạn chế, yếu kém sau:

Một là, chất lượng giáo dục đại học Việt Nam đã được cải thiện đáng kể, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Việc đào tạo của các trường còn nặng về lý thuyết, phân đông sinh viên ra trường chưa đáp ứng ngay được công việc, các đơn vị sử dụng lao động phải bồi dưỡng, đào tạo lại trong thực tiễn. Đến năm 2020, Việt Nam còn hơn 50% trường đại học chưa qua kiểm định chất lượng. Các trường đã qua kiểm định chất lượng còn tồn tại về tổ chức quản lý và chương trình đào tạo. Các trường đã kiểm định, có đến 15,4% số trường chưa thiết kế chương trình đào tạo đúng theo quy định; 44%

chưa thật sự chú trọng về hoạt động đào tạo, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; 55% chưa đáp ứng đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên một số ngành đào tạo còn quá cao; 78% chưa đáp ứng tiêu chí yêu cầu về chuyển giao khoa học - công nghệ; 66% chưa đáp ứng yêu cầu của tiêu chí thư viện của trường đại học; 55% chưa có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định¹¹.

Nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa chú ý đến việc đào tạo, nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề của đất nước, địa phương đặt ra. Bên cạnh đó, có một số trường đại học chất lượng còn quá thấp, nên tuyển sinh rất khó khăn, dẫn đến hệ lụy là đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức và người lao động không có việc làm, phải tinh giảm biên chế hoặc phải làm thêm nhiều nghề khác để kiếm sống.

Hai là, mặc dù tăng về thứ hạng, nhưng giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn xếp ở mức thấp trong khu vực và thế giới.

Theo cách xếp hạng của QS, giáo dục đại học Việt Nam đứng ở vị trí khiêm tốn về xếp hạng các trường đại học tốt nhất trên thế giới. Khu vực Đông Nam Á, Việt Nam xếp hạng kém các nước Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines và Indonesia. Việt Nam chỉ có 2 cơ sở giáo dục đại học là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh nằm trong top 1.000 cơ sở hàng đầu thế giới, nhưng trong nhóm thấp từ 801 đến 1.000¹². Như vậy, số lượng trường đại học của Việt Nam lọt vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới vừa ít, vừa thấp về thứ hạng.

Ba là, công bố quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam ở vị trí trung bình của khu vực ASEAN.

Về nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế, Việt Nam có 8 trường đại học lọt vào top

500 trường nghiên cứu khoa học tốt nhất châu Á, nhưng chỉ có 1 trường trong top 10 khu vực ASEAN. Trong số 10 trường đại học top đầu ASEAN về công bố khoa học trên tạp chí ISI thì Singapore có 2 trường, Malaysia có 5 trường, Thái Lan có 2 trường và Việt Nam có 1 trường là Trường Đại học Tôn Đức Thắng, đứng vị trí 7/10. Trong 3 năm (2016-2018), Trường Đại học Tôn Đức Thắng công bố 2.372 công trình ISI. Trong khi đó, cùng thời gian này, Đại học Quốc gia Singapore có 24.074 công trình, Đại học kỹ thuật Nan Yang Singapore có 20.049 công trình, Đại học Mahidol Thái Lan có 7.391 công trình, Đại học hoàng gia Chulalongkron Thái Lan có 6.857 công trình¹³. Tính trung bình giai đoạn 2009-2018, Việt Nam có 4.220 bài báo quốc tế/năm, trong khi đó Malaysia đứng thứ nhất trong khu vực ASEAN với gần 24.700 bài/năm gấp 6 lần Việt Nam. Tiếp theo là Singapore là 19.000 bài/năm, Thái Lan là 12.850 bài/năm, Indonesia là 9.450 bài/năm, Phillipines là 2.300 bài/năm. Các nước còn lại của ASEAN chỉ đạt bình quân 200-300 bài/năm¹⁴.

Qua số liệu trên có thể thấy, các trường đại học của Việt Nam có những bước tiến quan trọng trong nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế, nhưng vẫn ở vị trí trung bình trong khu vực ASEAN.

3. Một số kinh nghiệm

Một là, đẩy mạnh tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập

Toàn cầu hóa, các cơ sở giáo dục phải cạnh tranh gay gắt không chỉ ở thị trường trong nước, mà còn ở thị trường quốc tế. Trong môi trường cạnh tranh, sự phát triển của cơ sở giáo dục là ở uy tín, chất lượng đào tạo và chất lượng nghiên cứu khoa học. Các sở giáo dục đại học phải năng động, linh hoạt, sáng tạo để thích ứng với môi

trường giáo dục biến đổi. Điều kiện mới, mô hình bao cấp trong giáo dục đại học không còn phù hợp. Giai đoạn 2011-2020, các cơ sở giáo dục đại học thực hiện thí điểm tự chủ đã phát triển mạnh mẽ, trong đó có những trường còn khá trẻ. Điều đó đã khẳng định tự chủ giáo dục là hướng đi đúng, phù hợp với môi trường cạnh tranh.

Tuy nhiên, trong thực tiễn việc chuyển sang tự chủ của giáo dục đại học Việt Nam còn rất chậm, mới có gần 30/172 trường công lập thực hiện thí điểm tự chủ. Để việc tự chủ được đẩy mạnh, cần sớm hoàn thiện cơ chế hoạt động tự chủ đại học theo hướng trao quyền tự quyết, tự chịu trách nhiệm cho cơ sở giáo dục. Nhà nước quản lý ở cấp vĩ mô, các cơ sở giáo dục tự chủ được làm những việc pháp luật không cấm để tạo môi trường học thuật, giải phóng năng lượng trí tuệ của đội ngũ trí thức.

Hai là, tập trung đầu tư một số trường đại học, một số ngành có thế mạnh của Việt Nam để tạo bước phát triển đột phá về nghiên cứu và đào tạo.

Đảng và Nhà nước đã có đầu tư lớn để phát triển sự nghiệp giáo dục. Nhưng việc đầu tư không tràn lan, mà có trọng điểm để đem lại hiệu quả. Thời gian qua, Chính phủ tập trung đầu tư hai Đại học Quốc gia để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, vì vậy, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đã có bước phát triển đột phá, có sản phẩm đào tạo và bài báo công bố ở tạp chí danh tiếng hàng đầu thế giới, góp phần quan trọng để nâng cao thứ hạng của giáo dục đại học Việt Nam.

Bên cạnh việc đầu tư những trường trọng điểm, tiếp tục đẩy mạnh kiểm định chất lượng những cơ sở giáo dục còn lại, những cơ sở giáo dục đại học không đảm bảo chất lượng thì cho giải thể hoặc sáp nhập với các cơ sở khác, tiến tới

xây dựng hệ thống giáo dục đại học hoàn chỉnh đảm bảo chất lượng.

Ba là, đa dạng hình thức liên kết đào tạo với các trường đại học hàng đầu của thế giới.

Chiến lược phát triển giáo dục (2011-2020) đề ra chủ trương liên kết đào tạo quốc tế, nhưng việc thực hiện theo hình thức nào là phụ thuộc vào sự năng động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, cần có nhiều hình thức liên kết đào tạo, nghiên cứu để khai thác tiềm năng của các cơ sở giáo dục. Liên kết đào tạo sau đại học (trình độ thạc sĩ và tiến sĩ) tại các trường đại học uy tín ở nước ngoài bằng học bổng giáo sư và nguồn ngân sách Nhà nước (trước đây có Đề án 322 và 911). Hình thức liên kết này đã góp phần quan trọng vào tăng số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ ở Việt Nam thời gian qua.

Những năm gần đây, chất lượng đào tạo sau đại học một số cơ sở giáo dục của Việt Nam đã được nâng cao, chuẩn đầu ra cũng tiệm cận quốc tế, vì vậy, việc liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục trong nước và nước ngoài cần được đa dạng hơn. Ngoài hình thức 100% thời gian đào tạo ở nước ngoài, có thể là 50% trong nước, 50% ở nước ngoài hoặc 100% thời gian đào tạo trong nước, nhưng chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế và giáo sư nước ngoài tham gia giảng dạy, hướng dẫn. Việc liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học giúp cho giáo dục đại học Việt Nam tiếp cận được phương pháp tư duy, phương pháp quản trị hiện đại, tiếp cận nền khoa học công nghệ tiên tiến, đưa giáo dục Việt Nam hội nhập thành công.

Giai đoạn 2011-2020, giáo dục đại học Việt Nam đã có sự đổi mới mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực làm tăng quy mô và chất lượng đào tạo. Số trường đại học, giảng viên có trình độ tiến sĩ, công bố quốc tế tăng mạnh so với giai đoạn

trước, đào tạo ra hàng vạn lao động chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, kết quả này chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Giáo dục đại học còn nặng về lý thuyết và ở thứ bậc thấp trong bản đồ giáo dục đại học thế giới và khu vực.

Thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh tự chủ giáo dục, đầu tư trọng điểm phát triển mũi nhọn, đa dạng hình thức liên kết đào tạo quốc tế, nâng cao vị thế giáo dục đại học Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

1, 4. Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13-6-2012 phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Quyet-dinh-711-QD-TTg-nam-2012-Chien-luoc-phat-trien-giao-duc-2011-2020-141203.aspx>

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr 77

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4-11-2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/nghi-quyet-so-29-nqtw-ngay-4112013-hoi-nghi-lan-thu-8-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-doi-moi-can-ban-toan-584>

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Kế hoạch hành động của ngành giáo dục, Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện, giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, ngày 25-7-2014. Nguồn: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=3931>

6. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2018-2019”. Nguồn: <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ko-giao-duc-dai-hoc.aspx?ItemID=6636>

7. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý chất lượng: “Danh sách các chương trình đào tạo được đánh giá/ công nhận”. Nguồn: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=7334>

8, 14. Nguyễn Thu Thủy, Trần Tú Uyên: “10 năm số lượng công bố quốc tế của Việt Nam tăng gần 5 lần”, cập nhật ngày 15-1-2019. Nguồn: <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/10-nam-so-luong-cong-bo-quoc-te-cua-viet-nam-tang-gan-5-lan-20190115081238291.htm>

9. Đó là các trường: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Đại học Duy Tân. Trong đó, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh được xếp thứ hạng 143, Đại học Quốc gia Hà Nội xếp thứ 147. Nguồn: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-dai-hoc/Pages/Default.aspx?ItemID=6379>

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. I, tr. 63

11. Xem Bánh Tiến Long: “Kiểm định chất lượng để phát triển đại học bền vững”, *Báo Nhân dân điện tử*, cập nhật ngày 22-10-2018. Nguồn: <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-giao-duc/kiem-dinh-chat-luong-de-phat-trien-giao-duc-dai-hoc-ben-vung-338533/>

12. Thông tấn xã Việt Nam: “Hai trường đại học Việt Nam tiếp tục có mặt trong bảng xếp hạng thế giới”, cập nhật ngày 11-6-2020. Nguồn: <https://tuoitre.vn/hai-truong-dai-hoc-viet-nam-tiep-tuc-co-mat-trong-bang-xep-hang-the-gioi-2020061110540313.htm>

13. Thủy Linh: “Lần đầu tiên đại học của Việt Nam vào top 10 đại học nghiên cứu hàng đầu ASEAN”, cập nhật ngày 17-2-2020. Nguồn: <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/lan-dau-tien-dai-hoc-cua-viet-nam-vao-top-10-dai-hoc-nghien-cuu-hang-dau-asean-post207174.gd>